

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SVH TTDL ngày... /5/2024 của Sở VH TTDL)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	105.150	105.150	0
1	Lệ phí			
2	Phí	105.150	105.150	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	105.150	105.150	0
1	Lệ phí			
2	Phí	105.150	105.150	0
	Phí thẩm định cấp phép kinh doanh Karaoke, vũ trường, kinh doanh du lịch, lễ hành	105.150	105.150	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	43.019	43.019	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	43.019	43.019	0
1	Chi quản lý hành chính	11.464	11.464	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.782	10.782	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	682	682	0
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	17.543	17.543	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.543	17.543	0
3	Chi sự nghiệp đào tạo	1.671	1.671	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.671	1.671	0
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11.377	11.377	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.377	11.377	0
5	Chi sự nghiệp kinh tế	964	964	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	964	964	0